

Số: /SGDDĐT-GDMN&GDTH  
V/v báo cáo thực trạng điều kiện chuẩn bị cho  
công tác phổ cập giáo dục mầm non  
cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Kế hoạch số 3237/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Để có căn cứ đánh giá thực trạng điều kiện của các đơn vị chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu phối hợp báo cáo cụ thể như sau:

- Báo cáo đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn (theo đề cương báo cáo tại phụ lục 1)

- Rà soát, thống kê số liệu (theo mẫu biểu thống kê tại phụ lục 2)

- Thời gian hoàn thành: Chậm nhất vào ngày 05/12/2025.

Nhận được Công văn, đề nghị các đơn vị quan tâm phối hợp triển khai thực hiện, gửi báo cáo về Sở GDĐT theo đường công văn và email [phuongmai77@gmail.com](mailto:phuongmai77@gmail.com). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên hệ về Phòng GDMN&GDTH, Sở Giáo dục và Đào tạo (qua đ/c Phạm Thị Phương Mai, số điện thoại: 0971179877)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, GDMN&GDTH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Trí Quang**

## Phụ lục 1

### ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

#### Thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026

##### I. Tình hình chung

##### II. Đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

###### 1. Quy mô trường lớp, trẻ em

- Tổng số cơ sở giáo dục mầm non (trong đó: số trường công lập, tư thục, dân lập, cơ sở giáo dục mầm non độc lập), số lớp 3-4 tuổi, 4-5 tuổi; số trẻ em 3-4 tuổi, 4-5 tuổi
- Tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đến trường
- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

###### 2. Đội ngũ

- Số cán bộ quản lý, tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ trên chuẩn
- Số giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi, 4-5 tuổi; tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ trên chuẩn; số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo đang đi học nâng chuẩn
- Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi trên tổng số lớp
- Các biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đội ngũ
- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

###### 3. Cơ sở vật chất

- Đánh giá cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục mầm non đối chiếu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024.
- Tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố.
- Số phòng học thiếu; biện pháp khắc phục phòng học thiếu (mượn bên ngoài nhà trường; ngăn đôi phòng học; sử dụng phòng chức năng, phòng làm việc...)
- Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định
- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

###### 4. Chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

- Ưu điểm
- Hạn chế

##### III. Dự kiến thời gian đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- Dự kiến thời gian đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. *(Những đơn vị dự kiến đạt chuẩn sau năm 2028 nói rõ lý do vì sao)*

##### IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm
2. Hạn chế
3. Đề xuất, kiến nghị